TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/ 2021/ HNGĐ-ST
Ngày 12/4/2021
V/v "Tranh chấp về quan hệ hôn nhân"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Minh Tân và bà Lý Thúy Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Diệu Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tiến Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2020/HNGĐ-ST, ngày 06/10/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 08/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/ 2021/ QĐST - HNGĐ ngày 24/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Âu Thị Th, sinh năm 1986
Địa chỉ: Tổ 4, phường Đội C, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978
Địa chỉ: Tổ 4, phường Đội C, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 13/7/2007 đăng ký kết hôn tại UBND xã Đội C, huyện Y (nay là phường C, thành phố T), tỉnh Tuyên Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã C, thành phố T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn T sa vào con đường tệ nạn cờ bạc, rượu chè không còn chăm lo cho gia đình. Khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng đã hoà giải nhiều lần nhưng

không thành. Chị Th và anh T cũng đã sống ly thân được 3 (ba) tháng nay, không ai còn quan tâm đến ai. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung*:* Chị Âu Thị Th xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/10/2003 và cháu Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 18/5/2008 Khi ly hôn chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung: Chị Th xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: Chị Th xác định không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày*: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 anh đi vào con đường tệ nạn, cờ bạc, rượu chè ít quan tâm đến vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay, nhìn thấy nhau là không vui, nhiều lần mâu thuẫn đã hòa giải nhưng không thành. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh không muốn ly hôn cũng vì các con nhưng chị Th cương quyết ly hôn anh hoàn toàn nhất trí lý hôn với chị Th.

Tại biên bản hòa giải: Anh T xác định anh vẫn còn tình cảm với chị Th và không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/10/2003 và cháu Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 18/5/2008. Ly hôn anh nhất trí để Th trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Về tài sản chung: Anh T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: anh T xác định không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chị Th xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/10/2003 và cháu Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 18/5/2008 Khi ly hôn chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung: Chị Th xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung: Chị Th xác định không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Toà án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo đơn xin ly hôn của chị Th xử cho chị Th được ly hôn với anh T. Xử giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/10/2003 và cháu Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 18/5/2008 cho chị Th

được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Về tài sản các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về vay nợ chung: Các đương sự không vay nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí chị Âu Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Chị Th và anh T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Âu Thị Th yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn T và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về "Ly hôn " thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của anh Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng; anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị Th và anh Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau đến ngày 13/7/2007 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Yên S (nay là Phường C), thành phố T, tỉnh Q và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị Th và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Th và anh T đều cho rằng anh chị sống với nhau thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, anh T sa vào con đường cờ bạc, rượu chè, không quan tâm tới gia đình. Chị Th đã nhiều lần tha thứ nhưng anh T không thay đổi vẫn sa vào con đường cờ bạc, rượu chè không chăm lo cho gia đình. Anh T thường xuyên nghi ngờ và chửi chị Th, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian, không ai còn quan tâm đến ai. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Anh Nguyễn Văn T xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng không đồng ý ly hôn.

Xét thấy chị Âu Thị Th cương quyết ly hôn. Về quan hệ hôn nhân của chị Th và anh T mâu thuẫn đã nhiều năm từ năm 2018. Nguyên nhân là do anh T sa vào chơi bời, cờ bạc, rượu chè không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian, không ai còng quan tâm đến ai. Qua xác minh tại tổ 4, phường C, thành phố T, tỉnh Q thể hiện anh Nguyễn Văn T không chịu làm ăn, thường xuyên uống rượu không chăm lo cho gia đình, ngoài ra tổ được biết anh T còn sa vào con đường cờ bạc. Về con chung, được biết là chỉ có chị Th là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Điều này chứng tỏ tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ, vì vậy xử cho chị Âu Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị Âu Thị Th và anh Nguyễn Văn T cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/10/2003 và cháu Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 18/5/2008. Chị Th xin được được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, chị Th không yêu cầu anh Tiến phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T nhất trí để chị Âu Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th.

Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị Âu Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/10/2003 và cháu Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 18/5/2008. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung: Chị Th và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về vay nợ: Chị Th và anh T không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Âu Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; Điều 39; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Âu Thị Th

1. Xử cho chị Âu Thị Thu được ly h với anh Nguyễn Văn T.

2. Xử: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 22/10/2003 và cháu Nguyễn Ngọc Trung, sinh ngày 18/5/2008 cho chị Âu Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Âu Thị Th phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0000611 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tiến Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Chị Âu Thị Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoạc bản án được niêm yết.

Nơi nhận: **T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang(02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường Đội Cấn;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc Lan